

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Xây dựng nhà lớp học trường mầm non Cát Vân,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định
06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định
số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND huyện Như
Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng nhà lớp học Trường
Mầm non Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số
122/KTHT-TĐ ngày 19/10/2023 (kèm theo Tờ trình số 295/TTr-BQLDA ngày
24/8/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây
dựng nhà lớp học Trường mầm non Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa,
với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Xây dựng nhà lớp học Trường mầm non Cát Vân, huyện
Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường mầm non Cát
Vân, đảm bảo các điều kiện giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho
giáo viên và học sinh Trường MN Cát Vân.

4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty CP tư vấn và xây dựng
hạ tầng Nam Huy.

5. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn và xây lắp Thành Nam.

6. Địa điểm xây dựng: xã Cát Vân, huyện Như Xuân.

7. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 122/KTHT-TĐ ngày 19/10/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

9.1. Phá dỡ:

Phá dỡ nhà lớp học hiện trạng 1 tầng 2 phòng học kích thước 21.82m x 9.22m kết cấu chịu lực BTCT, tường xây gạch, mái lợp tôn chống nóng, xà gồ thép hộp gác lên tường thu hồi xây gạch bằng biện pháp cơ giới kết hợp thủ công;

9.2. Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng học:

a. Phương án kiến trúc:

- Xây dựng mới nhà lớp học mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 21.82m x 11.62m. Công trình cao 2 tầng: Trong đó tầng 1 cao 3.6m, tầng 2 cao 3.6m, mái tôn cao 2.1m; Cốt nền tầng 1 là cốt +0.000, cao hơn cốt sân hoàn thiện 0.45m. Mặt bằng mỗi tầng bố trí các phòng học cho trẻ với khu hiên chơi và vệ sinh độc lập. Các khu vệ sinh chia tham nam nữ riêng biệt: Giao thông ngang là hành lang và các lối đi, giao thông đứng là cầu thang bộ; Hạng mục được bố trí các thiết bị PCCC đồng bộ theo quy định hiện hành; Trước và sau phòng học bố trí rãnh thoát nước đầu nổi vào rãnh thoát nước hiện trạng của nhà trường;

- Vật liệu sử dụng: Mái lợp tôn sóng dày 0.4mm. Hệ xà gồ thép hộp mạ kẽm; Nền phòng, hành lang, hiên chơi lát bằng gạch Ceramic 600x600 màu sáng. Khu hiên vệ sinh gạch chống trơn 300x300, tường vệ sinh ốp gạch men bóng 600x300 cao 2.4m. Các ngăn vệ sinh sử dụng vách ngăn compact HPL dày 18mm, phụ kiện đồng bộ bằng inox 304; Bậc tam cấp, bậc cầu thang lát (ốp) đá granite tự nhiên; Công trình sử dụng cửa hệ nhôm Xingfa, kính dán 02 lớp an toàn 6.38mm; Công trình được sơn hoàn thiện 01 lớp lót và 02 lớp phủ theo màu chỉ định.

b. Phương án kết cấu:

- Phần móng: Sử dụng móng đơn BTCT kết hợp móng xây gạch VXM 75#;
- Phần thân: Kết cấu chịu lực chính sử dụng khung cột – dầm – sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối: Bê tông cấp bền B20 (tương đương M250); Bê tông lót đá 4x6, vữa xi măng M100; Thép có $D < 10\text{mm}$ sử dụng mác thép CB240-T; Thép có $D \geq 10\text{mm}$ sử dụng mác thép CB300-V;

- Kết cấu bao che và ngăn phòng sử dụng các khối xây gạch: Sử dụng gạch không nung M75; Vữa xây sử dụng vữa xi măng cát M75; Vữa trát sử dụng vữa xi măng M75.

c. Phương án kỹ thuật điện.

Nguồn cấp điện: lấy từ điểm đầu nối điện hiện tại của công trình thông qua cáp CXV/DSTA 2x10mm² + E10 đến tủ điện tổng đặt tại gầm cầu thang của công trình; Hệ thống chiếu sáng và điện sinh hoạt trong hạng mục sử dụng nguồn điện 220V; Bố trí các đèn Led gắn nổi để chiếu sáng cho khu vực phòng học và phòng dụng cụ. Bố trí các đèn panel để chiếu sáng khu vực hành lang; Bố trí quạt trần cho các phòng. Hệ thống điện được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn chuyên ngành. Thiết bị điện gồm công tắc, ổ cắm, aptomat, quạt, đèn chiếu sáng... dùng thiết bị tiêu chuẩn phù hợp. Tất cả các hệ thống dây dẫn trên dùng cáp đi ngầm tường, trần, đặt trong ống ghen nhựa PVC. Cáp đường trục chính là cáp vỏ bọc cứng chống côn trùng, chống nhiễu.

d. Phương án PCCC: Tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

e. Phương án cấp, thoát nước.

- Cấp nước: Nước được cấp từ bể nước hiện trạng của nhà trường thông qua đường ống HDPE lên két nước mái. Từ két nước mái cấp xuống các thiết bị dùng nước thông qua đường ống cấp PPR đặt trong hộp kỹ thuật và chôn ngầm trong tường;

- Thoát nước rửa: Nước rửa được thoát ra rãnh thoát nước ngoài nhà thông qua đường ống **PVC** chôn ngầm dưới nền;

- Nước mái được thoát xuống theo các ống đứng PVC và được dẫn vào rãnh thoát nước ngoài nhà.

f. Phương án chống sét.

Hệ thống chống sét cho công trình bằng hệ thống kim thu sét Ø16, L= 1(m) gắn trên mái đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 9385- 2012; Hệ thống nối đất dùng cọc thép V63x5 dài 2,5m theo sơ đồ chống sét điện trở xung kích của bộ phận nối đất $R_{nd} < 10\Omega$; Hệ thống dây dẫn dùng dây thép Ø10 đi trên mái và thanh thép dẹt 30x3 (mm²) chôn sâu 0.8 m so với cốt sàn, điện trở tiếp đất yêu cầu đặt $R_{nd} < 10\Omega$.

9.3. Công trình phụ trợ:

a. Đường tạm phục vụ thi công:

Phá dỡ 11.75m tường rào làm lối vào phục vụ thi công; Lắp đặt ống công bê tông ly tâm D400 thoát nước tạm; Đắp đường tạm bằng cấp phối đá dăm loại 2 (Base B) độ dốc 10% phục vụ quá trình thi công; Sau Khi thi công, tiến hành bỏ bỏ đường tạm và ống cống bê tông; Xây lại tường rào hoàn trả hiện trạng.

b. Hoàn thiện sân trường:

Sân bê tông đổ mới M200#, dày 100mm tại phía sau công trình, bề mặt láng vữa xi măng M75# có đánh màu; Làm lại phần sân bê tông hư hỏng do quá trình thi công. Rãnh thoát nước B300 xây gạch bố trí xung quanh nhà lớp học đầu nối vào rãnh thoát nước hiện trạng của nhà trường: Thành dày 110mm; Tấm đan

BTCT M200# dày 8cm; Đáy bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; Trát thành trong và đáy bằng VXM 75# dày 15mm.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: 4.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	3.196.394.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	144.202.000 đồng
- Chi phí QLDA:	105.103.000 đồng
- Chi phí tư vấn:	443.751.000 đồng
- Chi phí khác:	31.775.000 đồng
- Chi dự phòng:	78.775.000 đồng

11. Nguồn vốn: Từ nguồn đề án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa là 2,5 tỷ đồng và ngân sách huyện 1,5 tỷ đồng.

12. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Cát Vân, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi cục thuế khu vực Như Thanh – Như Xuân, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: HU, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Tuấn

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH

Công trình: Xây dựng nhà lớp học trường mầm non Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				2.905.812.517	290.581.252	3.196.394.000	Gxd
1	PHÁ DỠ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	19.552.990	1.955.299	21.508.000	
2	NHÀ LỚP HỌC 2 TẦNG 4 PHÒNG		1		2.664.985.269	266.498.527	2.931.484.000	
3	CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ		1		131.824.421	13.182.442	145.007.000	
4	PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY		1		89.449.837	8.944.984	98.395.000	
II	Chi phí thiết bị			Theo chứng thư thẩm định giá số 230931/CTTĐ-AMC của Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC	144.201.600		144.202.000	Gtb
III	Chi phí quản lý dự án	3,446%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	105.103.486		105.103.000	Gqlda
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				407.763.266	35.987.267	443.751.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			QĐ 508/QĐ-QLDA ngày 19/7/2023 của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD	53.462.037	4.276.963	57.739.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	1.603.861	128.309	1.732.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,685%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	142.893.161	11.431.453	154.325.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,508%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	17.713.833	1.417.107	19.131.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	12.553.110	1.004.249	13.557.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	95.455.941	9.545.594	105.002.000	

7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,844%		Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ	1.217.062	121.706	1.339.000	
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.176.974	174.158	2.351.000	
9	Chi phí kiểm định công trình	0,02%		Theo QĐ số 505/QĐ-BQLDA ngày 17/7/2023 của BQL DA ĐTXD huyện	71.637.273	7.163.727	78.801.000	
10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.525.007	122.001	1.647.000	
11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.525.007	122.001	1.647.000	
12	Chi phí tư vấn thẩm định giá			Theo hợp đồng số.230931/HĐTĐG-AMC giữa Ban QLDA ĐTXD huyện và Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC	6.000.000	480.000	6.480.000	
V	Chi phí khác				31.543.036	232.465	31.775.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.324.650	232.465	2.557.000	
2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	380.000		380.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	22.838.386		22.838.000	
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	6.000.000		6.000.000	
VI	Chi phí dự phòng						78.775.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2,01%		(Gxd+Gtb+Gqla+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			78.775.000	
	Tổng cộng						4.000.000.000	Gxdct